Tuần Ngày soạn:

Tiết 66 Ngày dạy:

**ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II (t1)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**: Ôn tập và hệ thống hóa các kiến thức cơ bản về phương trình và bất phương trình.

**2. Kĩ năng**: Rèn kĩ năng phân tích đa thức thành nhân tử. Áp dụng 2 qui tắc biến đổi tương đương để giải phương trình và bất phương trình.

**3. Thái độ**: Rèn tư duy lô gíc - Phương pháp trình bày một bài toán.

**4. Định hướng phát triển năng lực:**

- Năng lực chung: Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy trừu tượng, giao tiếp, hợp tác, tính toán.

- Năng lực chuyên biệt: Áp dụng kiến thức để giải bất phương trình, phương trình chứa dấu giá trị tuyệt đối.

**II. CHUẨN BỊ:**

1. GV: Bài soạn.+ Bảng phụ

2. HS: Bài tập về nhà.

3**. Bảng tham chiếu các mức độ yêu cầu cần đạt của câu hỏi, bài tập, kiểm tra, đánh giá:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Nội dung | Nhaän bieát (M1) | Thoâng hieåu(M2) | Caáp ñoä thaáp (M3) | Caáp ñoä cao (M4) |
| **Ôn tập cuối năm** | Định nghĩa 2 bpt tương đương, 2 quy tắc biến đổi pt, bpt. Định nghĩa pt, bpt bậc nhất một ẩn. | Biết các kiến thức về bất đẳng thức, bất pt . | Biết giải bất phương trình. |  |

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**A. MỞ ĐẦU:**

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**C. LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG:**

**HOẠT ĐỘNG 2: Ôn tập về phương trình và, bất phương trình**

- Mục tiêu: HS củng cố định nghĩa 2 bpt tương đương, 2 quy tắc biến đổi pt, bpt, định nghĩa pt, bpt bậc nhất một ẩn.

- Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: thuyết trình, gợi mở, nêu vấn đề.

- Hình thức tổ chức hoạt động: Hoạt động cá nhân, nhóm.

- Phương tiện dạy học (nếu có): SGK

- Sản phẩm: HS biết các định nghĩa trên.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| GV: chuyển giao nhiệm vụ học tập.- GV nêu lần lượt các câu hỏi ôn tập đã cho yêu cầu HS trả lời câu hỏi 1. Hai phương trình tương đương: là 2 phương trình có cùng tập hợp nghiệm 2. Hai quy tắc biến đổi phương trình:+ Quy tắc chuyển vế + Quy tắc nhân với một số 3. Định nghĩa phương trình bậc nhất một ẩn. phương trình dạng ax + b = 0 với a và b là 2 số đã cho và a 0 được gọi là phương trình bậc nhất một ẩn.HS suy nghĩ trả lời: 1. Hai Bất phương trình tương đương: là 2 Bất phương trình có cùng tập hợp nghiệm 2. Hai Quy tắc Quy tắc biến đổi Bất phương trình:+ Quy tắc chuyển vế + Quy tắc nhân với một số : Lưu ý khi nhân 2 vế với cùng 1 số âm thì Bất phương trình đổi chiều. 3. Định nghĩa Bất phương trình bậc nhất một ẩn. Bất phương trình dạng ax + b < 0( hoặc ax + b > 0, ax + b 0, ax + b0) với a và b là 2 số đã cho và a 0 được gọi là Bất phương trình bậc nhất một ẩn.  | **1.** **Ôn tập về phương trình và, bất phương trình:**1. Hai Bất phương trình tương đương: là 2 Bất phương trình có cùng tập hợp nghiệm 2. Hai Quy tắc Quy tắc biến đổi Bất phương trình:+ Quy tắc chuyển vế + Quy tắc nhân với một số : Lưu ý khinhân 2 vế với cùng 1 số âm thì Bất phương trình đổi chiều. 3. Định nghĩa Bất phương trình bậc nhất một ẩn. Bất phương trình dạng ax + b < 0( hoặc ax + b > 0, ax + b 0, ax + b0) với a và b là 2 số đã cho và a 0 được gọi là Bất phương trình bậc nhất một ẩn.  |
| **HOẠT ĐỘNG 3: Bài tập .**- Mục tiêu: HS củng cố cách phân tích đa thức thành nhân tử, tính giá trị của biểu thức- Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: Thuyết trình, thảo luận, gợi mở, nêu vấn đề.- Hình thức tổ chức hoạt động: Hoạt động nhóm.- Phương tiện dạy học (nếu có): SGK- Sản phẩm: HS giải được bài tập. |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| GV: chuyển giao nhiệm vụ học tập:- GV: cho HS nhắc lại các phương pháp phân tích đa thức thành nhân tử.- HS nhắc lại các phương pháp phân tích đa thức thành nhân tử.- HS áp dụng các phương pháp đó lên bảng chữa bài áp dụng - 4 HS lên bảng giải:a) a2 - b2 - 4a + 4 ; b) x2 + 2x – 3c) 4x2 y2 - (x2 + y2 )2 d) 2a3 - 54 b3  HS trình bày. GV chốt kiến thức.GV cho HS làm bài 3 SGK/130.Chứng minh hiệu các bình phương của 2 số lẻ bất kỳ chia hết cho 8HS suy nghĩ làm bàiGV : Muốn chứng minh hiệu các bình phương của 2 số lẻ bất kỳ chia hết cho 8 ta phải làm thế nào ?HS : Xét hiệu các bình phương của 2 số lẻ bất kỳ sau đó phân tích hiệu có các thừa số chia hết cho 8.1 HS lên bảng làm bàiHS dưới lớp nhận xét.GV củng cố và chốt kiến thức.HS ghi bàiGV ghi đề bài 6 lên bảngGV yêu cầu HS nhắc lại cách làm dạng toán này.HS lên bảng làmGV cho HS làm bài 7 hoạt động cặp đôiGV yêu cầu 3 HS lên bảng giảiHS lớp nhận xét bài làm của bạnGV cho HS làm bài 8 theo nhóm Nửa lớp làm câu a, nửa lớp làm câu bGV yêu cầu 2 nhóm đại diện lên bảng giảiHS lớp nhận xét bài làm của bạn | **Bài 1 SGK/130**: Phân tích đa thức thành nhân tử:a) a2 - b2 - 4a + 4 = ( a - 2)2 - b 2= ( a - 2 + b )(a - b - 2)b)x2 + 2x - 3 = x2 + 2x + 1 - 4= ( x + 1)2 - 22 = ( x + 3)(x - 1)c)4x2 y2 - (x2 + y2 )2 = (2xy)2 - ( x2 + y2 )2= - ( x + y) 2(x - y )2d)2a3 - 54 b3 = 2(a3 – 27 b3)= 2(a – 3b)(a2 + 3ab + 9b2 )**Bài 3 SGK/130**: Chứng minh hiệu các bình phương của 2 số lẻ bất kỳ chia hết cho 8Gọi 2 số lẻ bất kỳ là: 2a + 1 và 2b + 1 ( a ; b z )Ta có: (2a + 1)2 - ( 2b + 1)2 = 4a2 + 4a + 1 - 4b2 - 4b - 1= 4a2 + 4a - 4b2 - 4b = 4a(a + 1) - 4b(b + 1) Mà a(a + 1) là tích 2 số nguyên liên tiếp nên chia hết cho 2 .Vậy biểu thức 4a(a + 1) 8 và 4b(b + 1) chia hết cho 8Bài 6 tr 131 SGK= Với x ∈ Z ⇒ 5x + 4 ∈ Z⇒ M ∈ Z ⇔  ∈ Z⇔ 2x - 3 ∈ Ư(7)⇔ 2x - 3 ∈ {±1; ±7}Giải tìm được x ∈ {- 2 ; 1 ; 2 ; 5}Bài 7 tr 131 SGK :Giải các phương trình.a) Kết quả x = -2b) Biến đổi được : 0x = 13Vậy phương tình vô nghiệmc) Biến đổi được : 0x = 0Vậy phương trình có nghiệm là bất kì số nàoBài 8 tr 131 SGK :Giải các phương trình :a) ⎢2x - 3⎢ = 4\* 2x - 3 = 4 khi x ≥ ⇔2x = 7⇔x = 3,5 (TMĐK)\* 2x - 3 = -4 khi x< ⇔2x = -1⇔x = - 0,5 (TMĐK)Vậy S = { - 0,5 ; 3,5}b) ⎢3x - 1⎢ -x = 2\* Nếu 3x - 1 ≥ 0 ⇔x ≥ thì ⎢3x - 1⎢= 3x - 1 .Ta có phương trình :3x - 1 - x = 2Giải phương trình được x =  (TMĐK)\* Nếu 3x - 1 < 0 ⇒ x < thì ⎥3x - 1⎥ = 1 - 3x Ta có phương trình :1 - 3x - x = 2Giải phương trình được x = -  (TMĐK)S =  Bài 10 tr 131 SGK.a) ĐK : x ≠ -1; x ≠ 2Giải phương trình được :x = 2 (loại).⇒ Phương trình vô nghiệm.b) ĐK : x ≠ ± 2Giải phương trình được :0x = 0⇒ Phương trình có nghiệm là bất kì số nào ≠ ± 2 |

**C. Hướng dẫn học ở nhà:**

+ Xem lại các bài tập đã chữa ở trên lớp

+ Xem và học kĩ ba hằng đẳng thức (A + B)2 ; (A - B)2 ; A2 - B2

+ BTVN : 24/ 12(SGK) ; 18,19/ 05 (SBT)

+ Hướng dẫn BT 19a/ 05 (SBT): Phân tích P = x2 - 2x + 5 = (x - 1)2 + 4 ≥ 6

-> GTNN của P là 4 tại x - 1 = 0 hay x = 1

**CÂU HỎI/BÀI TẬP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC:**

Câu 1: Nêu hai quy tắc biến đổi bpt? (M1)

Câu 2: Nhắc lại các phương pháp phân tích đa thức thành nhân tử.? (M1)

**Rút kinh nghiệm**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*